

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-3-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

tranh chấp về cấp dưỡng cho con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Thanh Hưng;

Ông Nguyễn Văn Độ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Võ Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng cho con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp S, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Hồng H, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp L1, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 02 năm 2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Huy H trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Huy H với chị Phạm Thị Thu H chung sống năm 2014, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2014, Quyền số

01/2014, do Ủy ban nhân dân xã L, huyện B1, tỉnh Bình Dương, cấp ngày 25 tháng 01 năm 2014. Hôn nhân tự nguyện.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc. Về sau, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không thể nói chuyện được với nhau, không còn tình cảm dành cho nhau, nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh H và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Hoàng L, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2014, con chung hiện đang chung sống với hai vợ chồng. Khi ly hôn anh H đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh H đồng ý cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: tài sản chung có 01 xe ô tô Hiệu H biển số 61A 83224 do anh H đứng tên, anh H và chị H tự thỏa thuận như sau: anh H nhận xe và giao lại cho chị H số tiền 200.000.000 đồng. Không yêu cầu Tòa án ghi nhận thỏa thuận phân chia.

Về nợ chung: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình tố tụng bị đơn chị Phạm Thị Hồng H trình bày: thống nhất như trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ hôn nhân.

Về nguyên nhân mâu thuẫn do anh H có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên không còn quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho vợ con. Chị H có khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi. Anh H yêu cầu ly hôn mà lý do không chính đáng, mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng, vợ chồng vẫn còn sống chung. Do đó, chị H không đồng ý ly hôn.

Về con chung: thống nhất như lời trình bày của anh H về con chung. Trường hợp ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh ngày 02 tháng 3 năm 2022, Công chức Tư pháp xã L, huyện B cung cấp như sau: Anh Nguyễn Huy H và chị Phạm Thị Thu H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng anh H, chị H địa phương không xác định được. Mặt khác, là việc riêng trong gia đình, anh H, chị H không yêu cầu địa phương, tổ chức, đoàn thể can thiệp để giải quyết mâu thuẫn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Nguyễn Huy H giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình tham gia tố tụng.

Bị đơn chị Phạm Thị Hồng H trình bày: sau phiên hòa giải tại Tòa án, chị H đã dẫn con về nhà mẹ ruột ở cho đến nay, không chung sống với anh H nữa. Chị H xác định, anh H không còn dành tình cảm cho chị, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Dù chị H đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh H không hợp tác, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Mặc dù vậy, chị H không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 của BLTTDS. Việc xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều 95 đến Điều 98 của BLTTDS. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại các Điều 196, 196 của BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của BLTTDS.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn tuân theo quy định tại các Điều 70, 71 của BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị H tại địa phương nơi anh chị cư trú nhưng không thể hiện được mâu thuẫn và bất đồng giữa anh H và chị H. Tại phiên tòa, anh H không chứng minh được mâu thuẫn trầm trọng mà chỉ nêu những mâu thuẫn vụn vặt trong cuộc sống, anh H cũng không công nhận có mối quan hệ bất chính bên ngoài để dẫn đến mâu thuẫn, trong khi đó chị H có thiện chí muốn thêm thời gian để đoàn tụ. Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Phạm Thị Hồng H có nơi cư trú tại ấp L1, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Huy H khởi kiện chị Phạm Thị Hồng H, yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng cho con do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng cho con.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: hôn nhân của anh Nguyễn Huy H và chị Phạm Thị Hồng H là hôn nhân hợp pháp. Anh H yêu cầu ly hôn chị H do vợ chồng anh chị mâu thuẫn kéo dài và không thể hàn gắn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau. Cả anh H và chị H cùng xác định anh H không còn tình cảm với chị H, không còn quan tâm, lo lắng cho nhau. Tại phiên tòa, chị H xác định, sau phiên hòa giải ngày 03 tháng 3 năm 2022, chị H đã đưa con ra khỏi nhà, không còn chung sống với anh H. Chị H không đồng ý ly hôn với lý do còn thương anh H. Chị H và anh H cùng xác định không có giải pháp cứu vãn mối quan hệ vợ chồng đã rạn nứt trong thời gian dài. Có cơ sở xác định anh H, chị H không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không còn cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Như vậy, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh H yêu cầu ly hôn với chị H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn Huy H và chị Phạm Thị Hồng H có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Hoàng L, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2014. Anh H đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Quá trình tố tụng cháu L có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Xét, chị H có nơi ở, việc làm, thu nhập ổn định đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con, Hội đồng xét xử xét, giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh H không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp quy định tại các Điều 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Huy H và chị Phạm Thị Hồng H không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung vụ án là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Huy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, khoản 1 Điều 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Huy H đối với bị đơn chị Phạm Thị Hồng H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng cho con.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Nguyễn Huy H và chị Phạm Thị Hồng H.

Về nuôi con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Hoàng L, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2014 cho chị Phạm Thị Hồng H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Huy H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu L mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Việc cấp dưỡng cho con thực hiện từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Huy H và chị Phạm Thị Hồng H không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Huy H phải chịu 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008980 ngày 22 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng. Anh H còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Tuyết